

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1574/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch ngày 22 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2020 về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm định số 5728/BC-HĐTĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh và văn bản số 184/BC-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung như sau:

1. Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch

a) Tên quy hoạch: Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Thời kỳ quy hoạch: Quy hoạch được lập cho thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Phạm vi ranh giới quy hoạch:

- Toàn bộ diện tích tự nhiên của tỉnh Quảng Ngãi là 5.155,78 km² và phần không gian biển của tỉnh được xác định theo Quyết định số 2295/QĐ-TTg ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050.

- Về ranh giới địa lý:

+ Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam;

+ Phía Đông giáp biển Đông;

+ Phía Tây giáp tỉnh Kon Tum;

+ Phía Tây Nam giáp tỉnh Gia Lai;

+ Phía Nam giáp tỉnh Bình Định.

- Tọa độ địa lý: từ 14°32' đến 15°25' vĩ tuyến Bắc, từ 108°06' đến 109°04' kinh tuyến Đông.

2. Yêu cầu về quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch

a) Quan điểm lập quy hoạch:

- Việc lập quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi đảm bảo phù hợp với các nội dung, định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước thời kỳ 2021 - 2030; chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và các quy hoạch ngành liên quan đến tỉnh Quảng Ngãi. Hướng đến phát triển bền vững trên cả ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường trong dài hạn.

- Đánh giá đầy đủ giá trị địa kinh tế - chính trị của tỉnh Quảng Ngãi; các tác động về các điều kiện và bối cảnh từ bên ngoài đến phát triển của tỉnh; các cơ hội liên kết giữa tỉnh Quảng Ngãi với Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, cả nước và quốc tế; khả năng khai thác các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết và tham gia; tạo nền tảng cho phát triển trên cơ sở tận dụng các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế động lực; khai thác trục hành lang kinh tế chủ đạo của tỉnh theo các tuyến giao thông huyết mạch (Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Quốc lộ 1, đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, Quốc lộ 24, Quốc lộ 24B) cũng như đẩy mạnh kết nối giữa các khu vực đồng bằng, miền núi và hải đảo trên địa bàn tỉnh phù hợp với khả năng cân đối, huy động về nguồn lực của tỉnh Quảng Ngãi.

- Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi phải thể hiện được quan điểm đổi mới mạnh mẽ tư duy phát triển; phát huy tối đa, hiệu quả lợi thế, tiềm năng, nguồn lực, tạo

động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững.

- Kết hợp hiệu quả giữa quản lý ngành, lĩnh vực với quản lý lãnh thổ, bảo vệ môi trường và quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ chủ quyền biên giới biển đảo; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác với các tỉnh khu vực biên giới Việt Nam - Lào.

- Đảm bảo khả thi trong triển khai, đáp ứng các nhu cầu trong giai đoạn 2021 - 2025; 2026 - 2030 và tạo nền tảng phát triển cho các giai đoạn tiếp theo, phù hợp với tầm nhìn đến năm 2050. Đảm bảo công khai, minh bạch giúp cho quá trình ra quyết định trong thu hút và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Mục tiêu lập quy hoạch:

- Làm căn cứ khoa học, công cụ pháp lý quan trọng để chính quyền các cấp của tỉnh Quảng Ngãi sử dụng trong lãnh đạo, chỉ đạo, thống nhất công tác quản lý nhà nước và hoạch định chính sách, kiến tạo động lực phát triển.

- Tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa quy hoạch tỉnh với quy hoạch vùng, quy hoạch quốc gia nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Làm cơ sở lập quy hoạch xây dựng các vùng huyện và liên huyện, quy hoạch đô thị và nông thôn và các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành có liên quan. Là cơ sở để xây dựng và triển khai các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đảm bảo khách quan, khoa học.

- Đưa ra các định hướng, nhiệm vụ và giải pháp bố trí không gian phát triển hợp lý nhằm giải quyết các xung đột về không gian (giữa các ngành, lĩnh vực, giữa các vùng, lãnh thổ...) trên địa bàn tỉnh cho các nhu cầu phát triển trong tương lai trên cơ sở huy động hiệu quả các điều kiện bên trong và thu hút các nguồn lực bên ngoài.

- Cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu để các doanh nghiệp, cộng đồng và người dân đầu tư, sản xuất, kinh doanh, sinh sống, làm việc và kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch tỉnh.

- Hình thành hệ thống cơ sở thông tin và cơ sở dữ liệu quy hoạch thống nhất trong tỉnh đáp ứng yêu cầu quản lý phát triển của tỉnh, vùng và quốc gia.

c) Nguyên tắc lập quy hoạch:

- Đảm bảo tuân thủ các quy trình, nguyên tắc, nội dung theo Luật Quy hoạch, Nghị định và Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch; phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên cũng như các văn bản pháp luật quốc tế có liên quan về biển, đảo, các văn bản pháp luật về biên giới quốc gia.

- Đảm bảo tính thống nhất, tổng thể, đồng bộ, hệ thống với quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định; giữa quy hoạch tỉnh với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo sự kết

hợp hiệu quả giữa quản lý ngành, lĩnh vực với quản lý lãnh thổ, bảo vệ môi trường và quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền biển đảo. Đảm bảo hài hòa lợi ích quốc gia, vùng, địa phương và lợi ích của người dân.

- Đảm bảo tính liên tục, kế thừa, tính mở, ổn định và khả thi trong triển khai, phù hợp với khả năng cân đối, huy động nguồn lực thực hiện quy hoạch tỉnh, tạo nền tảng phát triển cho các giai đoạn tiếp theo.

- Đảm bảo tính công khai, minh bạch, tính thị trường trong xây dựng định hướng phát triển, tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn; đảm bảo nguyên tắc thị trường có sự quản lý của nhà nước trong phân bổ nguồn lực.

- Đảm bảo tính khoa học, kết nối, dự báo, khả thi, tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; đảm bảo tính linh hoạt, thích ứng, có không gian, nguồn lực và các chính sách phản ứng nhanh khi có sự cố (thiên tai, dịch bệnh, sự cố có tính thảm họa, ...) xảy ra.

- Đảm bảo phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan với Cơ quan lập quy hoạch tỉnh, đảm bảo mối liên kết giữa nội dung chính và các nội dung đề xuất trong quy trình tích hợp quy hoạch.

3. Yêu cầu về nội dung, phương pháp lập quy hoạch

a) Nội dung của quy hoạch:

Nội dung Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tuân thủ theo quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017 và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NQ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Quảng Ngãi;

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn;

- Đánh giá việc thực hiện các chiến lược, chương trình, quy hoạch và các dự án liên quan trong thời kỳ quy hoạch trước, dự báo tác động trong thời kỳ quy hoạch mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Xây dựng quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh;

- Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh;

- Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội;

- Quy định tại các điểm d, đ, e, g, h, i và k khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

- Lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện;

- Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện;
- Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh;
- Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh;
- Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;
- Phương án phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh;
- Xây dựng danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện;
- Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch;
- Xây dựng báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
- Xây dựng báo cáo quy hoạch gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh.

b) Phương pháp lập quy hoạch:

Quy hoạch được lập dựa trên phương pháp tiếp cận hệ thống, tổng hợp, đa lĩnh vực, đảm bảo các yêu cầu về tính khoa học, tính phù hợp, tính thực tiễn và ứng dụng công nghệ hiện đại. Các phương pháp cơ bản sau được sử dụng trong quá trình lập Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi:

- Phương pháp tích hợp quy hoạch;
- Phương pháp thu thập tài liệu, điều tra, khảo sát thực địa;
- Phương pháp phân tích tổng hợp;
- Phương pháp chuyên gia;
- Phương pháp tham vấn cộng đồng;
- Phương pháp dự báo;
- Phương pháp phân tích hệ thống, so sánh và các phương pháp phân tích chuyên ngành;
- Phương pháp thông tin địa lý, bản đồ (GIS).

4. Thời hạn lập quy hoạch

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tổ chức lập và hoàn thành lập quy hoạch trong thời hạn không quá 24 tháng tính từ ngày nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt.

5. Thành phần hồ sơ quy hoạch

a) Phần văn bản:

- Tờ trình thẩm định và phê duyệt quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi;

- Dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi;
- Báo cáo thuyết minh quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi kèm theo các sơ đồ, bản đồ thu nhỏ;
- Báo cáo các nội dung đề xuất tích hợp vào quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi;
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
- Các phụ lục và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

b) Bản đồ và sơ đồ phân tích:

- Bản đồ in tỷ lệ 1:250.000 - 1:1.000.000: Bản đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh Quảng Ngãi.
- Bản đồ số và bản đồ in, tỷ lệ 1:25.000 - 1:100.000:
 - + Các bản đồ về hiện trạng phát triển;
 - + Bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng;
 - + Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn;
 - + Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng;
 - + Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội;
 - + Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật;
 - + Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất;
 - + Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên;
 - + Bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu;
 - + Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện;
 - + Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện;
 - + Bản đồ chuyên đề (nếu có).
- Bản đồ hiện trạng và định hướng phát triển các khu vực trọng điểm của tỉnh tỷ lệ 1:10.000-1:25.000 (nếu có).

c) Cơ sở dữ liệu Quy hoạch (đĩa CD)

6. Chi phí lập quy hoạch

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tổ chức lập dự toán, thẩm định và quyết định cụ thể chi phí lập quy hoạch theo quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

a) Căn cứ nội dung nhiệm vụ được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, tổ chức lập Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo phù hợp quy định của Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11

năm 2017 và các quy định hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình lập quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi chủ động phối hợp, cập nhật thông tin với quy hoạch cấp cao hơn để điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch theo quy định tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch và phù hợp quy định của pháp luật liên quan.

b) Quy định cụ thể về số lượng và tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành, cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quy định hiện hành hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi triển khai thực hiện lập quy hoạch.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký TTg, các PTTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ;
- Lưu: VT, QHĐP (3).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng